|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NQ-HĐND DỰ THẢOLần 2 | *Trà Vinh, ngày tháng năm 2022* |

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ của**

**Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**KHÓA …, KỲ HỌP THỨ …**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 -2030;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;*

 *Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này là Quy định nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** **Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2.Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh Khóa ....., kỳ họp thứ .....thông qua ngày .... tháng ..... năm .... và có hiệu lực từ ngày .... tháng ..... năm 2022.

*Nơi nhận:* CHỦ TỊCH

- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

- Chính phủ;

- Bộ Tài chính;

- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);

- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy,UBND tỉnh;UBMTTQ VN tỉnh;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND,

Đoàn ĐBQH;

- Các Sở, ban, ngành tỉnh;

- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;

- Cổng báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;

- Lưu: VT.

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh

*(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày……tháng ….năm 2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2030 quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi là chương trình 1322).

2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2. Nội dung và mức chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng**

1. Xây dựng chương trình truyền thông về năng suất chất lượng; phổ biến chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng

a) Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết). Áp dụng mức chi tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Phần II quy định kèm theo Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ chi trả nhuận bút, thù lao cho hoạt động phát thanh và truyền hình.

b) Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh. Áp dụng mức chi tại Phụ lục I, Phụ lục II Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ đơn giá sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

c) Các nội dung chi (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm) được xây dựng trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

d) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến chia sẽ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất. Áp dụng mức chi tại Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác. Áp dụng mức chi tại Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

a) Công việc nhập dữ liệu

- Nhập dữ liệu có cấu trúc (dữ liệu có cấu trúc là các dữ liệu đã được tổ chức theo một cấu trúc thống nhất, bản thân cấu trúc này không hoặc ít có sự biến động theo thời gian). Mức chi nhập dữ liệu có cấu trúc được tính theo trường dữ liệu trên cơ sở số lượng ký tự trong 01 trường dữ liệu, cụ thể:

+ Đối với trường dữ liệu có số lượng ký tự trong 1 trường (n) ≤ 15: mức chi 300 đồng/1 trường.

+ Đối với trường dữ liệu có số lượng ký tự trong 1 trường 15 < n ≤ 50: mức chi 375 đồng/1 trường.

+ Đối với trường dữ liệu có số lượng ký tự trong 1 trường (n) > 50: mức chi 450 đồng/1 trường.

Trong đó: đơn giá trên bao gồm cả việc kiểm tra hiệu đính thông tin; 01 trang văn bản tương ứng 46 dòng x 70 ký tự/dòng, tương đương bình quân.

- Nhập dữ liệu phi cấu trúc (dữ liệu phi cấu trúc để chỉ dữ liệu ở dạng tự do và không có cấu trúc được định nghĩa sẵn, ví dụ như: các tập tin video, tập tin ảnh, tập tin âm thanh... Mức chi nhập dữ liệu phi cấu trúc được tính theo trang dữ liệu, cụ thể như sau:

+ Trang tài liệu chỉ gồm các chữ cái, chữ số: mức chi 9.500 đồng/1 trang.

+ Trang tài liệu có bảng biểu kèm theo: mức chi 11.700 đồng/1 trang.

+ Trang tài liệu dạng đặc biệt có nhiều công thức toán học, hoặc các ký tự đặc biệt: mức chi 14.000 đồng/1 trang.

Trong đó: đơn giá trên bao gồm cả việc kiểm tra hiệu đính thông tin.

b) Đối với công việc tạo lập các trang siêu văn bản (Web): (trang siêu văn bản là một dạng dữ liệu được mô tả bằng ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML), chức năng chính là cho phép tạo lập kết nối đến các tài nguyên khác trên mạng). Mức chi cụ thể cho việc tạo lập các trang siêu văn bản được quy định cho từng dạng trang siêu văn bản. Cụ thể như sau:

- Trang siêu văn bản đơn giản: Là các văn bản chủ yếu nhằm mục đích thể hiện nội dung thông tin. Mức chi 12.000 đồng/trang tài liệu gốc A4 chuyển vào trang siêu văn bản (văn bản phi cấu trúc chuyển đổi sang trang siêu văn bản, tuỳ theo độ phức tạp về cấu trúc và kỹ thuật miêu tả).

- Trang siêu văn bản phức tạp: là các văn bản có sử dụng các tính năng tiên tiến của ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản, tạo được một giao diện thân thiện, mỹ thuật, dễ sử dụng, làm cơ sở dẫn dắt người dùng truy tìm và sử dụng thông tin một cách hiệu quả nhất. Mức chi 42.000 đồng/trang tài liệu gốc A4 chuyển vào trang siêu văn bản phức tạp (tuỳ theo độ phức tạp về bố cục mỹ thuật, nhiều hình ảnh, sử dụng các công nghệ tiên tiến, các mối liên kết phức tạp).

c) Đối với công việc tạo lập thông tin điện tử bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số được phép tăng bằng 30% mức chi quy định tương ứng.

d) Đối với việc tạo lập thông tin điện tử từ các nguồn dữ liệu điện tử có sẵn, mức chi được tính tối đa bằng 15% mức chi tạo lập thông tin lần đầu theo điểm a, khoản 2, điều này.

e) Chuyển đổi thông tin: Trường hợp sử dụng thiết bị ngoại vi để quét dữ liệu có sẵn trên giấy nhằm chuyển dữ liệu dạng văn bản in sang dữ liệu dạng văn bản điện tử (không hiệu đính), sau đó sử dụng phần mềm chuyên dụng để chuyển đổi thông tin từ dạng văn bản điện tử (không hiệu đính) sang thông tin dạng văn bản điện tử (có hiệu đính): mức chi bằng 30% mức chi nhập dữ liệu phi cấu trúc quy định tại điểm a, khoản 2, điều này.

f) Số hóa thông tin: Trường hợp sử dụng thiết bị ngoại vi để tiến hành số hoá các bức ảnh và lưu giữ hình ảnh đó dưới dạng 1 tệp tin để có thể kết hợp sử dụng trong các văn bản hoặc siêu văn bản: mức chi bằng 30% mức chi tạo lập trang siêu văn bản quy định tại điểm b, khoản 2, điều này.

Các mức chi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này không bao gồm chi phí thiết kế giao diện, cấu trúc toàn trang.

**Điều 3. Nội dung và mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng**

1. Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng. Áp dụng định mức chi tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Chi tổ chức các khóa đào tạo

Tổ chức các khóa đào tạo trong nước đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, ký năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Áp dụng mức chi tại Điều 4 Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 4. Nội dung và mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật địa phương phục vụ trực tiếp cho hoạt động năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh. Áp dụng mức chi tại Điều 2 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 11 tháng 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế**

1. Các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia Chương trình 1322 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được hỗ trợ các nội dung sau:

a) Áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố

- Hỗ trợ lần đầu áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 30.000.000 đồng/1 công cụ (bao gồm các khoản chi tư vấn, đánh giá chứng nhận). Mỗi đơn vị, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ không quá 3 công cụ.

- Hỗ trợ lần đầu áp dụng hệ thống quản lý tiến tiến, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 100.000.000 đồng/1 hệ thống (bao gồm các khoản chi tư vấn; đào tạo, đánh giá, chứng nhận). Mỗi đơn vị, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ không quá 3 hệ thống.

b) Áp dụng truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 100.000.000 đồng cho quá trình xây dựng hệ thống (tư vấn, đào tạo tập huấn kỹ thuật tại nơi áp dụng truy xuất nguồn gốc, tem, đánh giá, chứng nhận).

- Hỗ trợ áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Áp dụng mức chi tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021- 2025.

c) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số chuyển đổi thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp. Áp dụng mức chi tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

- Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa. Mức hỗ trợ 100 % chi phí nhưng không quá 16.000.000 đồng/sản phẩm (nhóm sản phẩm). Mỗi đơn vị, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ không quá 3 sản phẩm (nhóm sản phẩm).

2. Nhiệm vụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 5 được xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có tharm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực. Áp dụng định mức chi tại khoản 2 Điều 3, Điều 5 Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ trong nước và ngoài nước bằng ngân sách nhà nước

**Điều 6.** **Nội dung, mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322 tại địa phương.**

1. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình 1322; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức hội thảo khoa học: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính – Bộ khoa học và Công nghệ và văn bản hiện hành của địa phương.

2. Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy, năng suất quốc gia, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính – Bộ khoa học và Công nghệ và văn bản hiện hành của địa phương.

3. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình 1322: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

4. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc): Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322 tại địa phương và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của đơn vị, địa phương để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

**Điều 8. Quy định chuyển tiếp**

 - Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030và các quy định hiện hành tại địa phương. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

- Các mức chi quy định nêu trên là mức tối đa. Căn cứ vào quy mô, tính chất, nội dung thực tế công việc phát sinh, giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể và không vượt mức quy định nêu trên./.